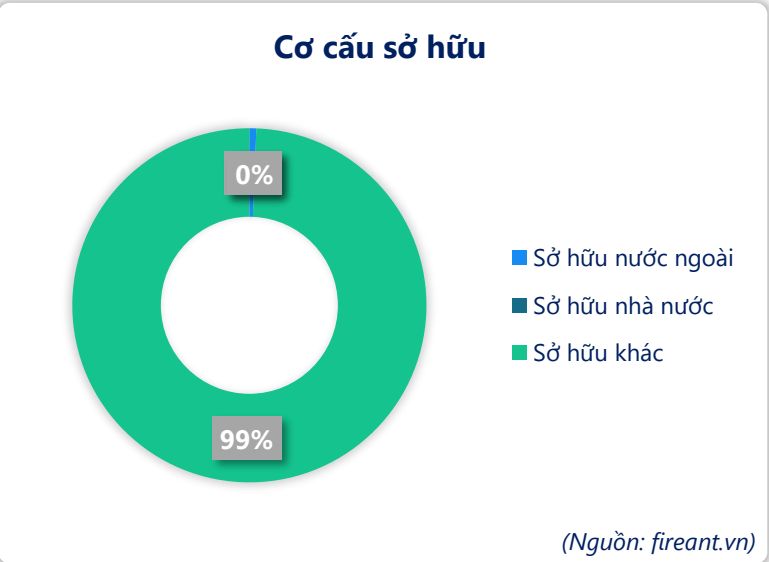
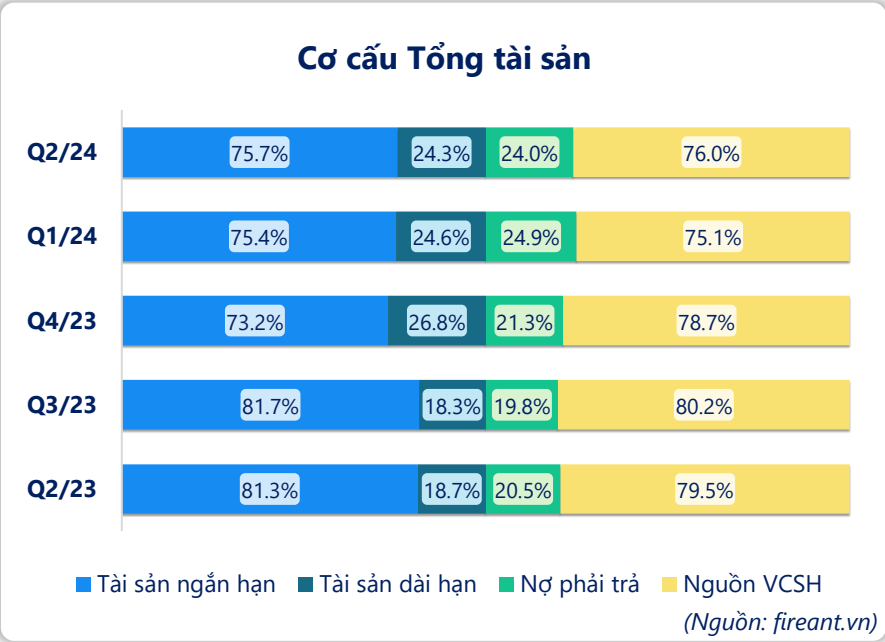
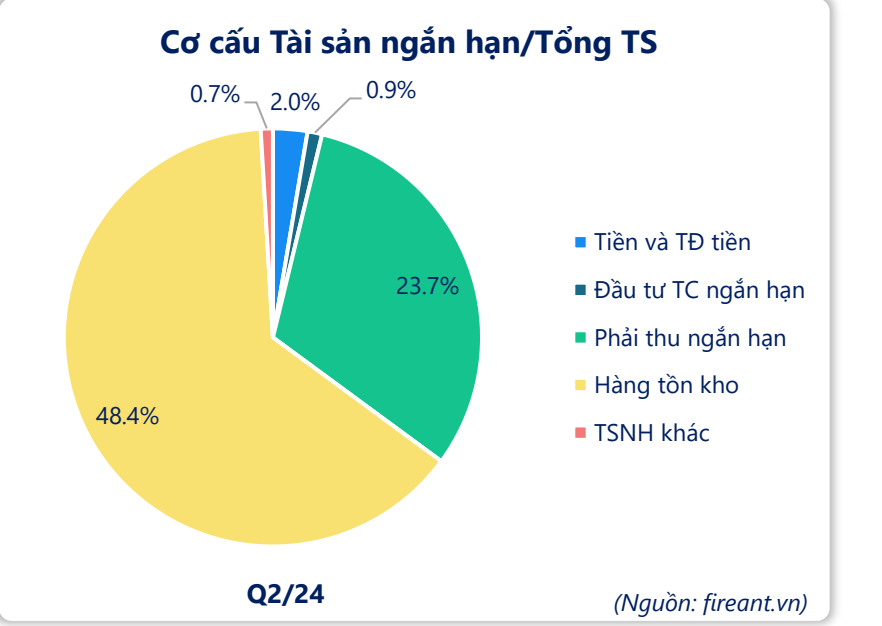
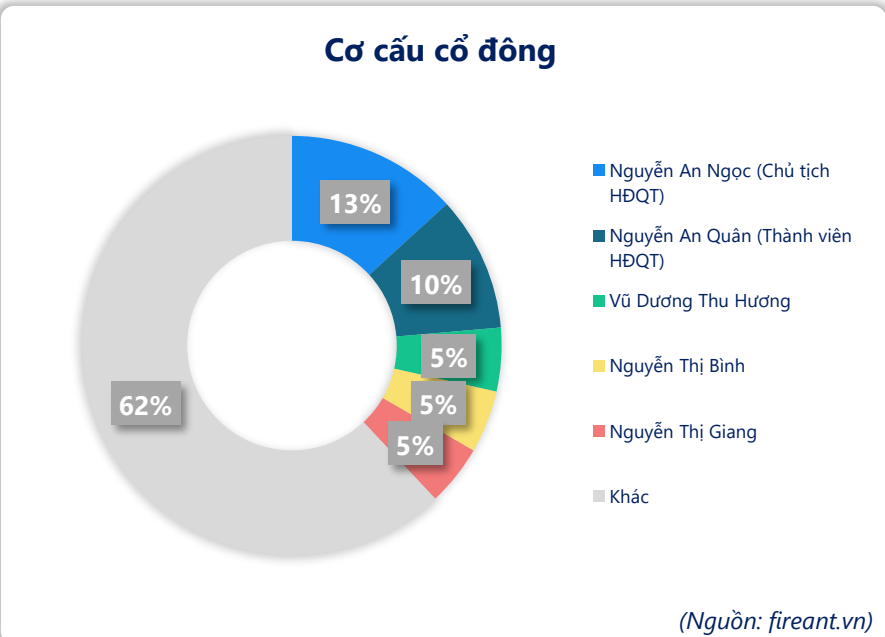
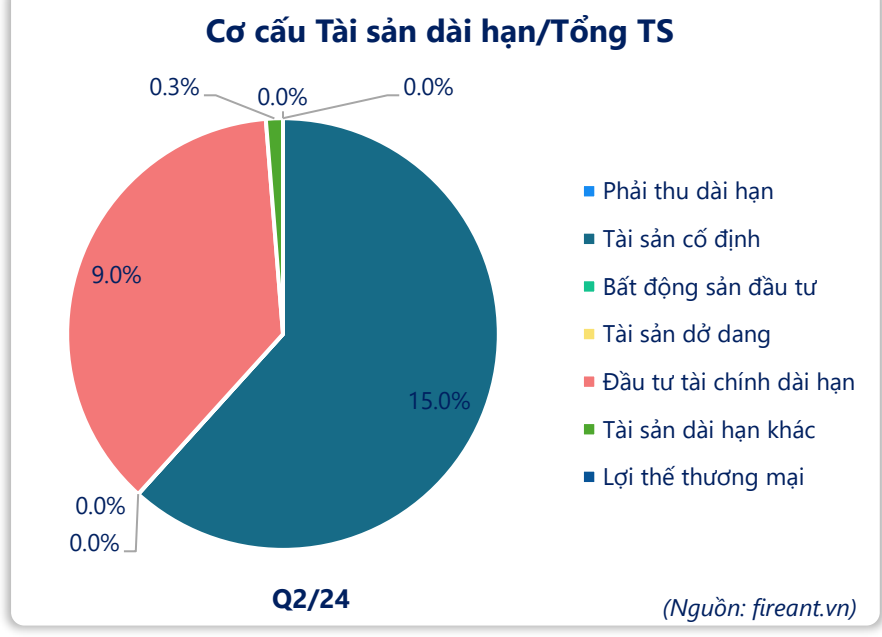
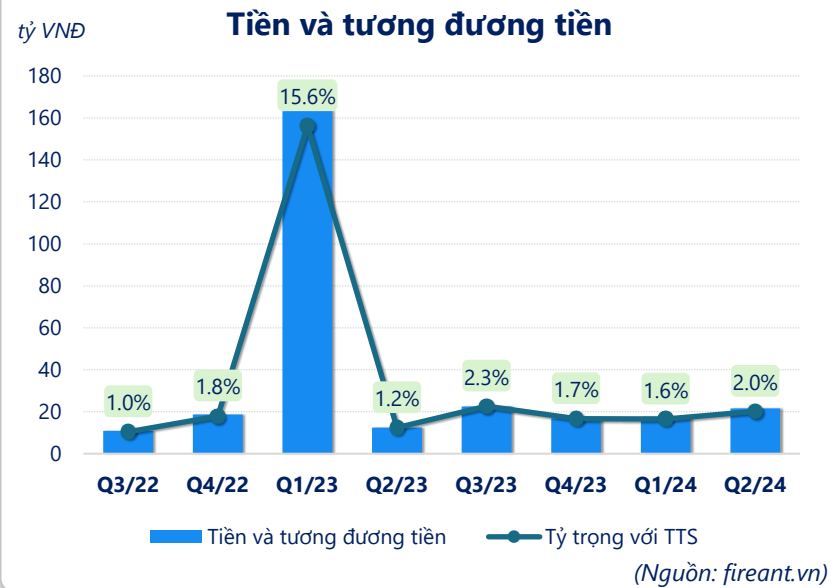
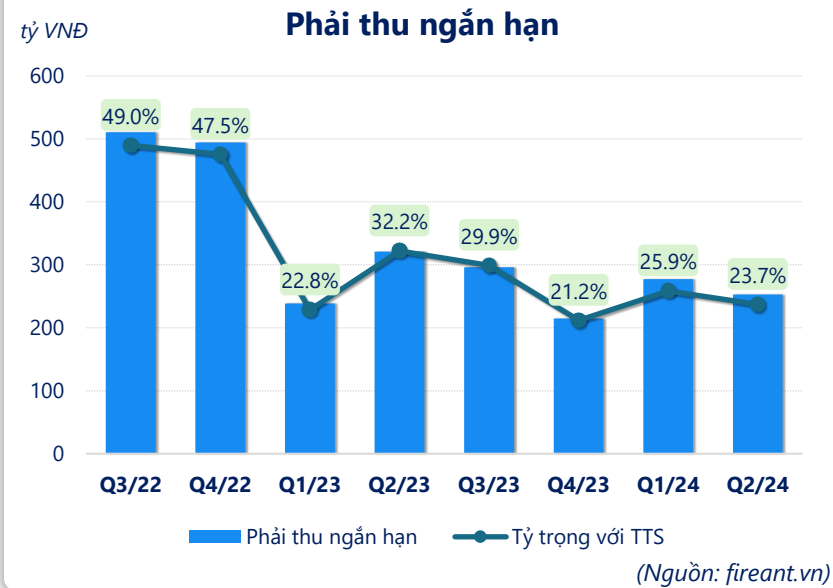
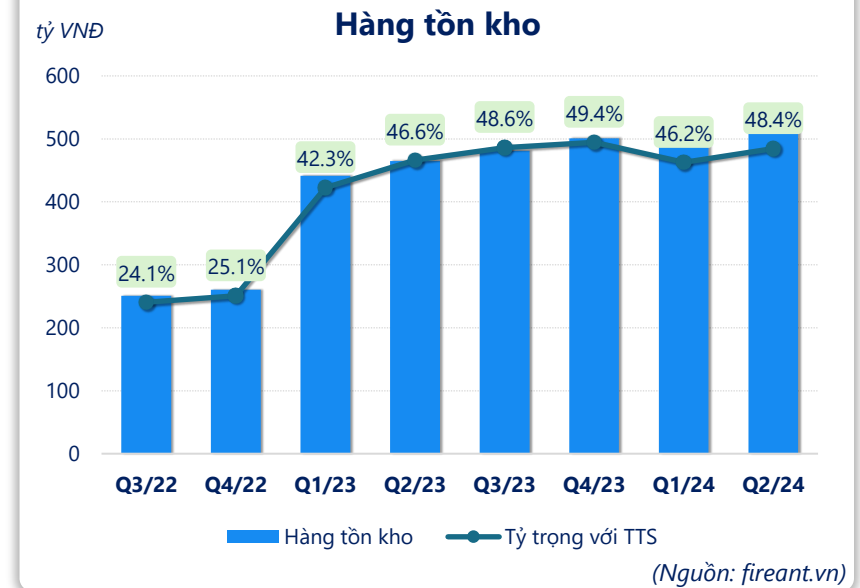
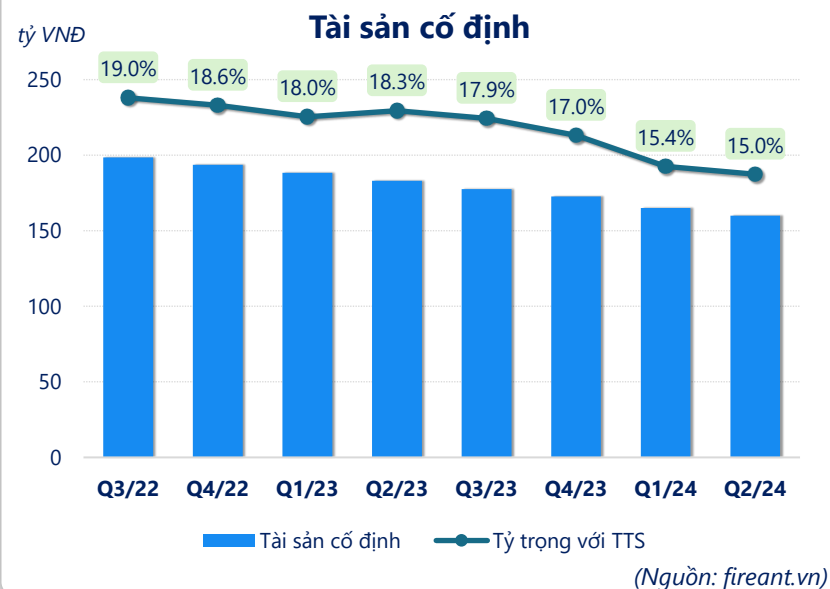
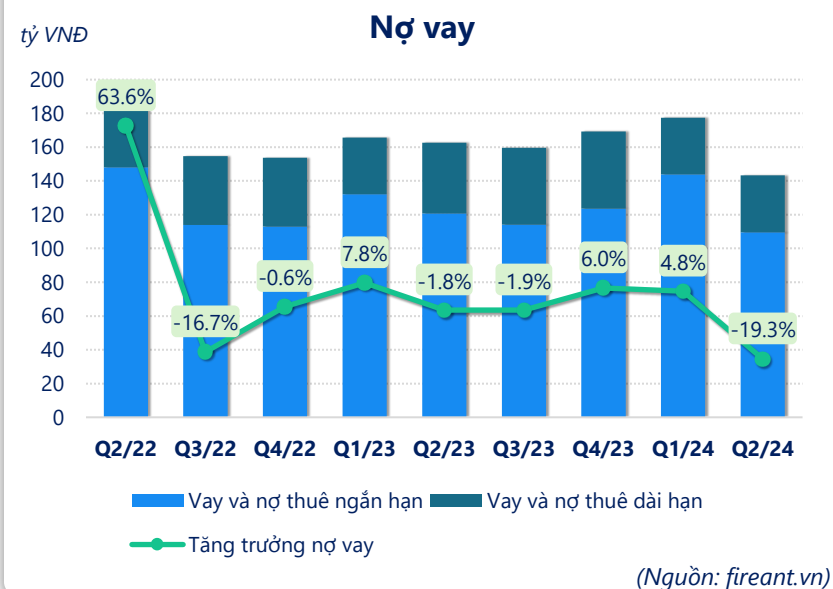
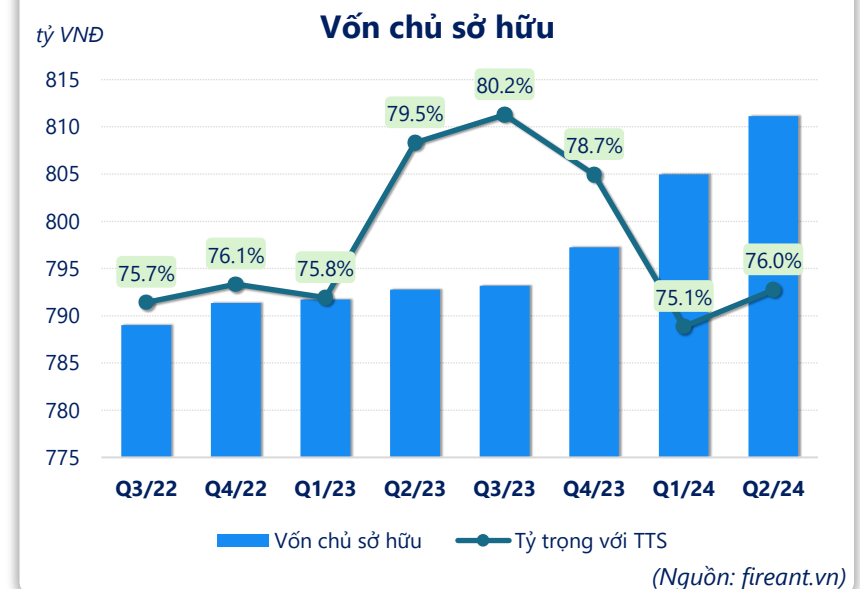
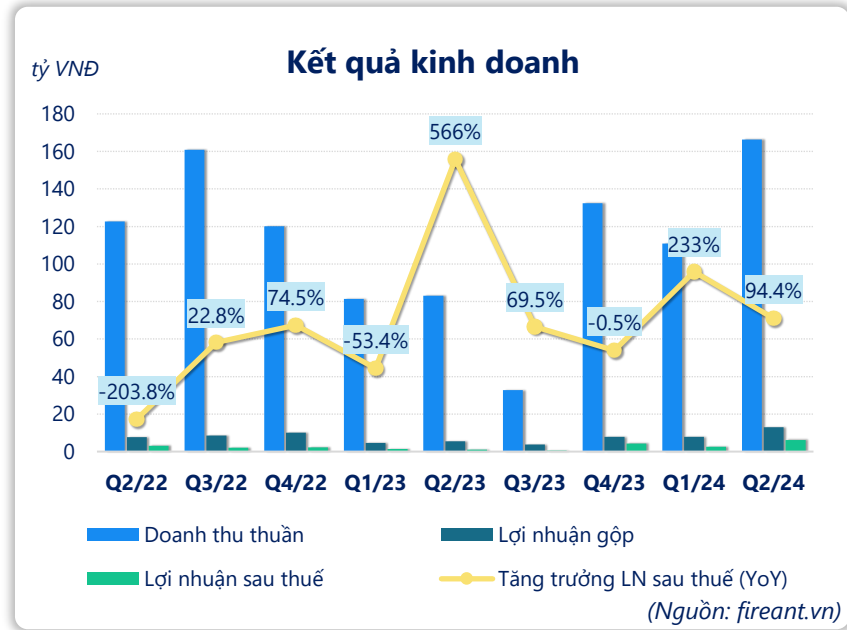
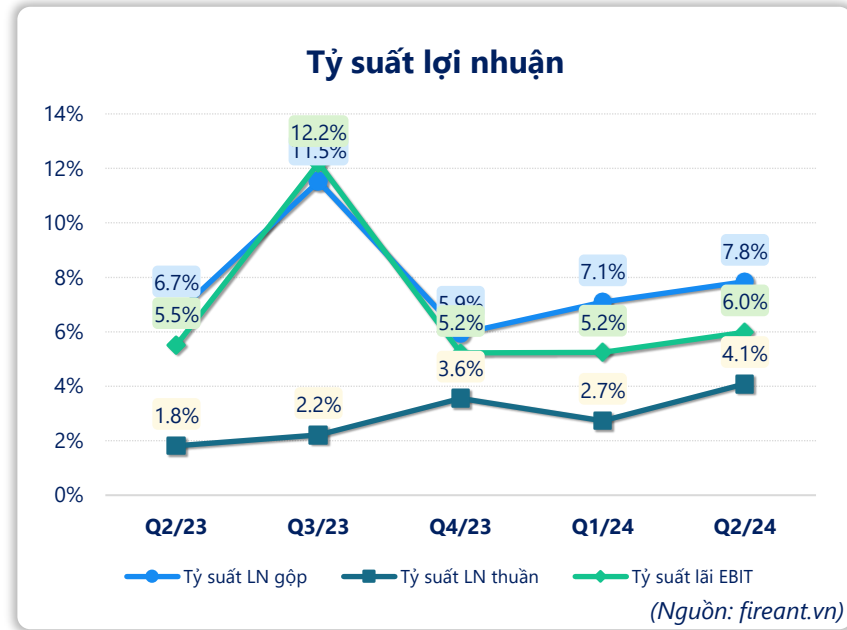
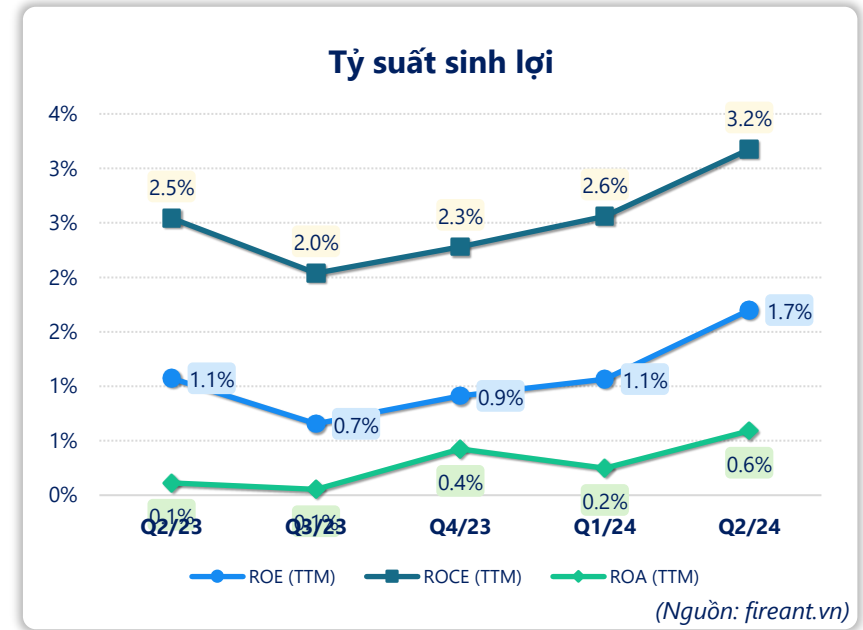
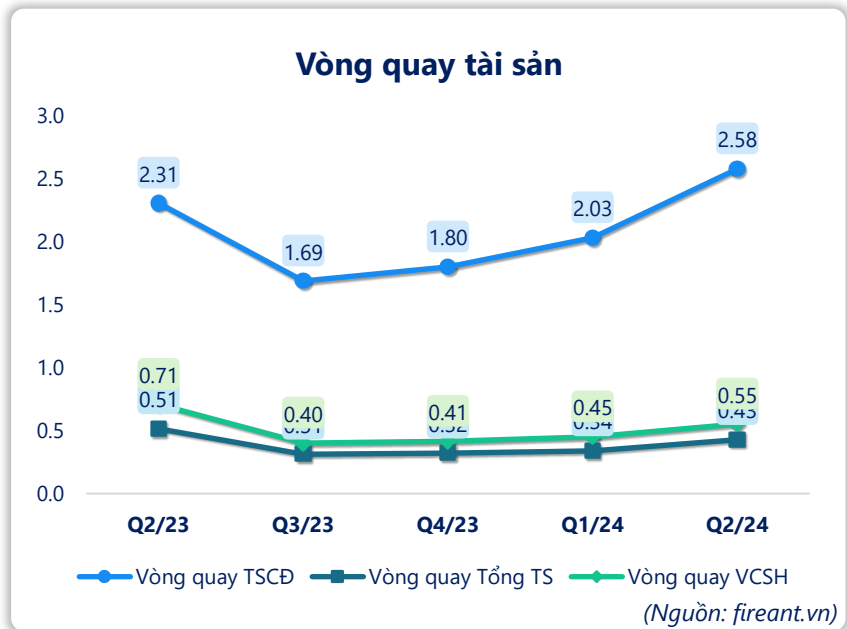
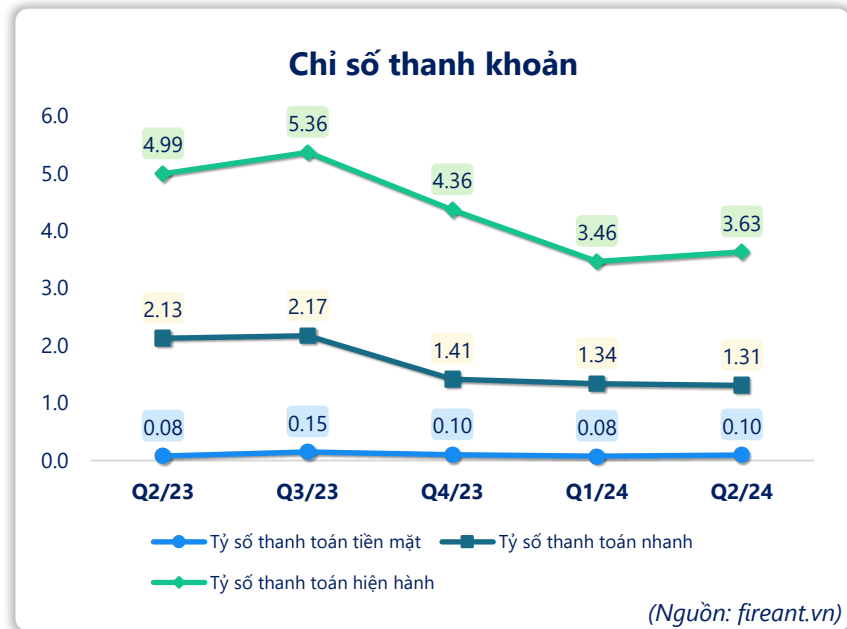
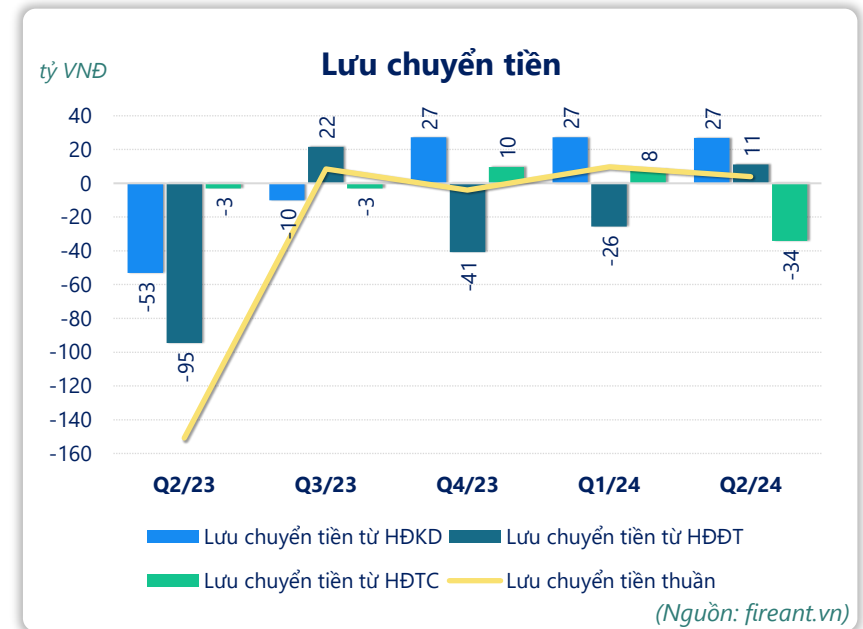


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		5,040
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		5,913
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,106
SL cổ phiếu LH		77,741,356
KLGD BQ 20 phiên (CP)		61,640
% sở hữu nước ngoài		0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		392
P/E		28.8
EPS		175

	YTD	1T	3T	6T
TLD	-6.1%	-1.6%	-4.4%	-5.1%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,067	1,010	5.6%
Tài sản ngắn hạn	808	739	9.4%
Tiền và tương đương tiền	21.5	7.91	172%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.09	8.30	9.5%
Phải thu ngắn hạn	253	213	18.5%
Hàng tồn kho	517	500	3.4%
Tài sản ngắn hạn khác	7.57	8.79	-13.9%
Tài sản dài hạn	259	272	-4.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	160	173	-7.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	96.0	96.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	3.29	3.17	3.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	256	215	19.1%
Nợ ngắn hạn	223	182	22.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	110	136	-19.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	105	24.4	330%
Nợ dài hạn	33.6	33.6	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	33.6	33.6	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	811	795	2.0%
Vốn chủ sở hữu	811	795	2.0%
Vốn điều lệ	777	748	4.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	83.2	32.7	132	111	166
Giá vốn hàng bán	77.6	28.9	124	103	153
Lợi nhuận gộp	5.55	3.77	7.85	7.85	13.0
Doanh thu HĐTC	2.42	1.81	1.80	0.85	1.09
Chi phí TC	3.38	3.30	2.17	2.87	3.22
Chi phí lãi vay	3.29	3.30	2.26	2.87	3.22
LN trong công ty LKLD	0.01	0	0	0.00	0.00
Chi phí bán hàng	1.50	0.16	1.23	1.61	2.44
Chi phí QLDN	1.60	1.39	1.54	1.19	1.67
LN thuần từ HĐKD	1.51	0.72	4.70	3.03	6.80
Lợi nhuận khác	-0.21	-0.04	-0.04	-0.10	-0.06
LN trước thuế	1.30	0.68	4.66	2.93	6.74
Lợi nhuận sau thuế	0.96	0.55	4.35	2.65	6.10
LNST của CĐ cty mẹ	0.98	0.55	4.35	2.63	6.10

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-53.2	-10.1	27.2	27.3	26.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-94.6	21.7	-40.8	-25.7	11.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.06	-3.04	9.59	8.14	-34.2
Tiền đầu kỳ	163	12.3	20.9	7.91	17.6
Lưu chuyển tiền thuần	-151	8.54	-4.03	9.73	3.86
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	12.3	20.9	16.9	17.6	21.5

(Nguồn: fireant.vn)